

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA SƯ PHẠM
BỘ MÔN SƯ PHẠM LỊCH SỬ**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
& CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

CỬ NHÂN SƯ PHẠM LỊCH SỬ

Cần Thơ, 2019

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ

I. Mô tả chương trình đào tạo

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Sư phạm lịch sử được mô tả như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Sư phạm Lịch sử
Tên chương trình (tiếng Anh)	History Teacher Education
Mã số ngành đào tạo	7140218
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân Sư phạm Lịch sử
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	141 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ qui định trong chương trình đào tạo (đạt 141 tín chỉ); điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); - Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10); - Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.
Vị trí việc làm	- Làm công tác giảng dạy tại các trường trung học, các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, các trường cao đẳng và đại học; - Làm nghiên cứu viên tại các trung tâm, các viện nghiên cứu khoa học và giáo dục. - Làm chuyên viên và cán bộ quản lý ở các trường học, các phòng giáo dục, các sở giáo dục và các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	- Có năng lực học tập suốt đời; có đủ kiến thức để học lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ ngành Lịch sử, lý luận và phương pháp dạy học lịch sử, ngành giáo dục, quản lý giáo dục ở trong và ngoài nước và các ngành có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo; - Có thể thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học cấp sơ sở và tham gia đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp cao hơn trong lĩnh vực Lịch sử và giáo dục.
Chương trình tham khảo khi xây dựng	- Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, khóa XI về Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo; Định hướng đổi mới sách giáo khoa phổ thông – Đề án Đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông sau năm 2015; Mục tiêu của giáo dục Việt Nam; Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam đến năm 2020; - Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế; Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 12 năm 2020

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Ngành Sư phạm Lịch sử đào tạo sinh viên trở thành giáo viên có năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành để giảng dạy môn Lịch sử trong các trường phổ thông; có khả năng làm công tác tư vấn, nghiên cứu, quản lý ở các trường học, cơ sở đào tạo, các cơ sở quản lý giáo dục; có khả năng tự học và tham gia các chương trình đào tạo sau đại học trong và ngoài nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử trình độ đại học:

a. Trang bị cho sinh viên trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng an ninh, năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành;

b. Hình thành và phát triển các năng lực: giao tiếp, học tập suốt đời, nghiên cứu khoa học, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác; có sức khỏe; tác phong sư phạm; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; khả năng thích ứng với môi trường đa văn hóa và bối cảnh toàn cầu hóa.

c. Hình thành kiến thức chuyên môn toàn diện và hệ thống về các nội dung lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới. Vận dụng kiến thức khoa học sư phạm và khoa học lịch sử để thực hiện tốt yêu cầu dạy học môn lịch sử ở trường trung học phổ thông và các cơ sở giáo dục.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử trình độ đại học, người học nắm vững các kiến thức, có những kỹ năng cần thiết, thể hiện được mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân như sau:

3.1 Kiến thức

3.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

a. Có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học xã hội và pháp luật; kiến thức về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh; các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế

- xã hội của Đảng và nhà nước.

b. Có kiến thức về cách thức sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp hằng ngày và trong hoạt động chuyên môn; kiến thức công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng quy định của trình độ đào tạo.

c. Có năng lực ngoại ngữ về tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).

3.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

a. Có kiến thức về khoa học giáo dục, tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học sư phạm; công tác dạy học trong nhà trường trung học phổ thông; các xu hướng dạy học hiện đại trong dạy học môn học và các nguyên tắc trong thiết kế chương trình môn học trong trường phổ thông.

b. Có kiến thức về các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy, các phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp nghiên cứu môn học Lịch sử theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh.

c. Có kiến thức về vai trò, nhiệm vụ và tầm quan trọng của công tác chủ nhiệm lớp; vai trò của nhà trường, gia đình, xã hội trong việc giáo dục học sinh.

3.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

a. Có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về tiến trình lịch sử Việt Nam và thế giới.

b. Có kiến thức về công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong dạy học và nghiên cứu chuyên ngành lịch sử.

c. Có kiến thức về khoa học giáo dục và khoa học lịch sử trong dạy học tại các trường phổ thông và các cơ sở giáo dục khác.

3.2 Kỹ năng

3.2.1 Kỹ năng cứng

a. Phát triển chuyên môn bản thân: chủ động nghiên cứu, cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn; vận dụng sáng tạo, phù hợp các hình thức, phương pháp và lựa chọn nội dung học tập, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân; hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp và chia sẻ kinh nghiệm về phát triển chuyên môn của bản thân nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

b. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; chủ động điều chỉnh kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương; hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục.

c. Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; chủ động cập nhật, vận dụng linh hoạt và hiệu quả các phương pháp dạy học và giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới, phù hợp với điều kiện thực tế; hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp về kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm vận dụng những phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

d. Vận dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; chủ động cập nhật, vận dụng sáng tạo các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; biết hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp kinh nghiệm triển khai hiệu quả việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh.

e. Nắm vững quy định về công tác tư vấn và hỗ trợ học sinh; thực hiện lồng ghép hoạt

động tư vấn, hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục; thực hiện hiệu quả các biện pháp tư vấn và hỗ trợ phù hợp với từng đối tượng học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục; biết hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp kinh nghiệm triển khai hiệu quả hoạt động tư vấn và hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục.

3.2.2 Kỹ năng mềm

a. Sử dụng tiếng Việt thành thạo và chuẩn mực, giao tiếp thông dụng, đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp; ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng các thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục.

b. Phát triển năng lực phân tích, tổng hợp so sánh; hình thành tư duy phản biện và kỹ năng học tập suốt đời; làm việc độc lập, sáng tạo và hợp tác; tìm và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để nâng cao trình độ và hiệu quả công tác; đề ra chương trình hành động cho bản thân nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

c. Phát triển mối quan hệ nhà trường - gia đình - xã hội. Tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ hoặc người giám hộ và các bên liên quan để giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.

d. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, phòng, chống bạo lực học đường; xây dựng môi trường văn hóa và phát huy dân chủ trong nhà trường.

3.3 Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

a. Có ý thức kỉ luật, sống và làm việc theo pháp luật; tôn trọng nội quy, quy chế làm việc của ngành giáo dục.

b. Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề giáo. Có tinh thần học hỏi, tự rèn luyện phấn đấu nâng cao phẩm chất nhà giáo. Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc và đạo đức nghề giáo.

c. Tạo dựng phong cách nhà giáo: có tác phong và cách thức làm việc phù hợp, làm tấm gương tốt cho học sinh; hỗ trợ đồng nghiệp trong việc hình thành phong cách nhà giáo.

4. Tiêu chí tuyển sinh

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Cần Thơ.

5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo (2)	Chuẩn đầu ra (3)																						
	Kiến thức (3.1)											Kỹ năng (3.2)								Năng lực và trách nhiệm (3.3)			
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)					Kỹ năng cứng (3.2.1)					Kỹ năng mềm (3.2.2)						
	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	c	a	b	c	d	e	a	b	c	d	a	b	c
2.2a	X	X	X														X	X			X	X	
2.2b																		X				X	X
2.2c													X	X	X	X			X	X			
2.2d				X	X	X	X	X	X	X	X	X											
2.2e	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)																						
			Kiến thức (3.1)												Kỹ năng (3.2)								Năng lực và trách nhiệm (3.3)		
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)						Kỹ năng cứng (3.2.1)				Kỹ năng mềm (3.2.2)						
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	a	b	c
Khối kiến thức Giáo dục đại cương																									
1	QP010	Giáo dục quốc phòng – An ninh 1 (*)	1																			1			1
2	QP011	Giáo dục quốc phòng – An ninh 2 (*)	1																			1			1
3	QP012	Giáo dục quốc phòng – An ninh 3 (*)	2																			1			1
4	QP013	Giáo dục quốc phòng - An Ninh 4 (*)	3																			1			1
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1 2 3																			1			1
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)			1														1				1		
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)			1														1				1		
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)			2														2				1		
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)			1														1				1		
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)			1														1				1		
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)			2														2				1		
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)			1														1				1		

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)																							
			Kiến thức (3.1)												Kỹ năng (3.2)								Năng lực và trách nhiệm (3.3)			
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)						Kỹ năng cứng (3.2.1)				Kỹ năng mềm (3.2.2)							
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	a	b	c	
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)			1														1				1			
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)			2														2				1			
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)			1														1				1			
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)			1														1				1			
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)			2														2				1			
18	TN033	Tin học căn bản (*)		1															1					1		
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)		1															2					1		
20	ML014	Triết học Mác-Lênin	1																	1				1		
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	1																	1				1		
22	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2																	1				1		
23	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2																	1				1		
24	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3																	1				1		
25	SP009	Tâm lý học đại cương	1																				1			
26	ML007	Logic học đại cương	1																1					1		
27	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	1																1					1		
28	XH012	Tiếng Việt thực hành	1																1					1		
29	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	1																1					1		
30	XH028	Xã hội học đại cương	1																1					1		
31	KN001	Kỹ năng mềm	1																2	2				1	1	
32	KL001	Pháp luật đại cương	1																	1				1		
33	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp				1												1		1				1		
34	SG011	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD&ĐT	1																1				1			
Khối kiến thức cơ sở ngành																										
35	SP010	Tâm lý học sư phạm				2												2		1				1		
36	SP0079	Giáo dục học				1		1							1	1		1		1	1	1		1	1	
37	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông				2		2							1	1		1		1	1	1		1	1	
38	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững				1									1					1		1		2		

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)																							
			Kiến thức (3.1)												Kỹ năng (3.2)								Năng lực và trách nhiệm (3.3)			
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)						Kỹ năng cứng (3.2.1)					Kỹ năng mềm (3.2.2)						
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	a	b	c	
39	SG394	Giáo dục hòa nhập ở trường THPT				1									1						1		1		1	
40	SP241	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử					2							2					2						1	
41	SG109	Phương pháp luận sử học				1								1						1					1	
42	SG140	Nhập môn khoa học Lịch sử				1								1						1					1	
43	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục					2							1						1					1	
44	SG420	Lý luận dạy học Ngữ văn & Khoa học Xã hội					1								1	1				1					1	
45	SG105	Phương pháp dạy học Lịch sử					2								1	1			1	2					1	
46	SG429	Phát triển chương trình giáo dục Ngữ văn & Khoa học Xã hội					2								1	1			1	2					1	
47	SG423	Đánh giá kết quả học tập Ngữ Văn & Khoa học Xã hội					2										2			1					1	
48	SP420	Rèn luyện nghiệp vụ SP.Lịch sử					3							2					2	1					1	
49	SG378	Tập giảng môn Lịch sử					3								3	3				3					1	2
50	SP597	Kiến tập sư phạm					2	2							2			2	2	1	2	1			2	2
51	SP598	Thực tập Sư phạm					3	3							3	3	2	3	3	3	3	2			3	3
52	SG452	Thực tế ngoài trường - Sư phạm Lịch sử				1								1						1					1	
Khối kiến thức chuyên ngành																										
53	SG411	Lịch sử Thế giới cổ trung đại 1							1			1		1						1					1	
54	SG412	Lịch sử Thế giới cổ trung đại 2										1	1	2						1					1	
55	SG410	Lịch sử Thế giới cận đại 1							1			1		1						1					1	
56	SP497	Lịch sử Thế giới cận đại 2							2	1		1		1					2	1					1	
57	SG413	Lịch sử Thế giới hiện đại 1										2	1	2						1					1	
58	SG414	Lịch sử Thế giới hiện đại 2							2	1		1		1					2	1					1	
59	SG416	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 1										2	1	2						1					1	
60	SP501	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2							2	1		1		1						2					1	
61	SG415	Lịch sử Việt Nam cận đại 1										2	1	2							1				1	
62	SP503	Lịch sử Việt Nam cận đại 2							2					1						2	2				1	

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)																							
			Kiến thức (3.1)												Kỹ năng (3.2)								Năng lực và trách nhiệm (3.3)			
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)						Kỹ năng cứng (3.2.1)				Kỹ năng mềm (3.2.2)							
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	a	b	c	
63	XH361	Lịch sử Việt Nam hiện đại 1							2					1					2	2				1		
64	SG417	Lịch sử Việt Nam hiện đại 2							2	2		2		2					2	2				1		
65	SP233	Lịch sử Đông Nam Á										2	1	2						1				1		
66	SP231	Khảo cổ học							2	2		1		1					1	1				1		
67	SP232	Dân tộc học đại cương										2	1	2						1				1		
68	SG300	Lịch sử địa phương							1			1		1						1				1		
69	SG409	Lịch sử Nhật Bản từ năm 1868 đến nay										1	1	2						1				1		
70	SG396	Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản							3	3		2		1						1				1		
71	SP236	Lịch sử quan hệ quốc tế								2		3	2	2						2	2				2	
72	SP506	Lịch sử ngoại giao Việt Nam							3	3		2		1						2	1				1	
73	SP025	Lịch sử khẩn hoang Nam Bộ							2	2		1		1						2	1				1	
74	SP200	Lịch sử văn minh Việt Nam										2	1	2							1				1	
75	SP196	Anh văn chuyên môn lịch sử							3	3		2		1						2	1				1	
76	SP235	Lịch sử văn minh Thế giới								2		3	2	2						2	2				2	
77	SG398	Chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX							3	3		2		1							1				1	
78	SG302	Lịch sử tư tưởng Phương Tây								2		3	2	2							2				1	
79	SG301	Lịch sử tư tưởng Phương Đông							3	3		2		1							1				1	
80	SP234	Lý luận và lịch sử tôn giáo									2				3	3					2				1	2
81	SP595	Lịch sử tư tưởng Việt Nam							3	3		2		1							1				1	
82	SG427	Một số cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam									2				2	2					2				1	2
83	SG397	Chiến tranh và cách mạng trong lịch sử Việt Nam								1		2	2	2						1	2				3	
84	SP511	Luận văn tốt nghiệp - Lịch sử							3	3	3	3	3	3	3	3				3	3				1	
85	SP510	Tiểu luận tốt nghiệp - Lịch sử							2	2	2	2	2	2	2	2				2	3				1	
86	SG408	Lịch sử chủ quyền Việt Nam ở biển Đông							1	1				1	1	1				1	2				1	
87	SG407	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học lịch sử								2		2		1						2	2				1	
88	SG304	Phong tục tập quán các dân tộc Việt Nam								3		2		1							2				1	
89	SG432	Lịch sử giáo dục Việt Nam								3		2		1							2				1	

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)																							
			Kiến thức (3.1)									Kỹ năng (3.2)								Năng lực và trách nhiệm (3.3)						
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)			Kỹ năng cứng (3.2.1)				Kỹ năng mềm (3.2.2)										
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	a	b	c	
90	SP019	Danh nhân đất Việt									2		3	2						2					1	

Ghi chú: 1, 2, 3 là mức độ đóng góp của mỗi học phần trong chương trình đào tạo.

Mức độ đóng góp:

- 1. Giới thiệu - làm quen: Người học biết và trình bày được kiến thức một cách sơ lược; thực hiện được kỹ năng ở mức độ lặp lại được thao tác.*
- 2. Vận dụng/Tăng cường: Người học hiểu và vận dụng được kiến thức; thực hiện được các kỹ năng ở mức độ thao tác.*
- 3. Thông thạo: Người học vận dụng kiến thức và kỹ năng ở mức độ thông thạo*

II. Mô tả chương trình dạy học

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình dạy học ngành Sư phạm Lịch sử được mô tả như sau:

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa	: 141 tín chỉ
Khối kiến thức giáo dục đại cương	: 43 tín chỉ (Bắt buộc: 28 tín chỉ; Tự chọn: 15 tín chỉ)
Khối kiến thức cơ sở ngành	: 36 tín chỉ (Bắt buộc: 34 tín chỉ; Tự chọn: 2 tín chỉ)
Khối kiến thức chuyên ngành	: 62 tín chỉ (Bắt buộc: 46 tín chỉ; Tự chọn: 16 tín chỉ)

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương										
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		Bổ trí theo nhóm ngành		
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30		Bổ trí theo nhóm ngành		
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	Bổ trí theo nhóm ngành		
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	Bổ trí theo nhóm ngành		
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60				I,II,III
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023		I,II,III
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024		I,II,III
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025		I,II,III
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031		I,II,III
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032		I,II,III
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60				I,II,III
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001		I,II,III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002		I,II,III
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60		FL003		I,II,III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL007		I,II,III
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45		FL008		I,II,III
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I,II,III
19	TN034	TT.Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	I,II,III
20	ML014	Triết học Mác-Lênin	3	3		45				I,II,III
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III
23	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III
24	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45		ML018		I,II,III
25	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III
26	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				I,II,III
27	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				I,II,III
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				I,II,III
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				I,II,III
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				I,II,III
31	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20			I,II,III
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			I,II,III
33	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30				I,II,III
34	SG011	Quản lý Hành chính nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT	2	2		30				
Cộng: 43 TC (Bắt buộc: 28 TC; Tự chọn: 15 TC)										
Khối kiến thức cơ sở ngành										
35	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	2		20	20	SP009		I,II
36	SP079	Giáo dục học	3	3		45		SP010		I,II
37	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2	2		15	30	SP079		I,II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
38	SG394	Giáo dục hòa nhập	2		2	30				I,II
39	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2			30		SP079		I,II,III
40	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	2		15	30			I,II
41	SG420	Lý luận dạy học Ngữ văn & Khoa học Xã hội	2	2		30		SP079		I,II
42	SG105	Phương pháp dạy học Lịch sử	2	2		15	30	SP079		I,II
43	SG429	Phát triển chương trình giáo dục Ngữ văn & Khoa học Xã hội	2	2		30				I,II
44	SG423	Đánh giá kết quả học tập Ngữ Văn & Khoa học Xã hội	2	2		15	30			I,II
45	SG378	Tập giảng môn Lịch sử	2	2			60		SP241	I,II
46	SP241	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử	2	2		15	30			I,II
47	SG452	Thực tế ngoài trường - Sư phạm Lịch sử	2	2			60			I,II
48	SG140	Nhập môn khoa học Lịch sử	2	2		30				I,II
49	SG109	Phương pháp luận sử học	2	2		20	20			I,II
50	SP420	Rèn luyện nghiệp vụ SP.Lịch sử	2	2		15	30	SG105		I,II
51	SP597	Kiến tập sư phạm	2	2			60	SG378		I
52	SP598	Thực tập Sư phạm	3	3			90	SP597		II
Cộng: 36 TC (Bắt buộc 34 TC; Tự chọn: 2 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
53	SG411	Lịch sử Thế giới cổ trung đại 1	2	2		30				I,II
54	SG412	Lịch sử Thế giới cổ trung đại 2	2	2		30		SG411		I,II
55	SG410	Lịch sử Thế giới cận đại 1	2	2		30		SG412		I,II
56	SP497	Lịch sử Thế giới cận đại 2	2	2		30		SG410		I,II
57	SG413	Lịch sử Thế giới hiện đại 1	2	2		30		SG497		I,II
58	SG414	Lịch sử Thế giới hiện đại 2	2	2		30		SG413		I,II
59	SG416	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 1	2	2		30				I,II
60	SP501	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2	2	2		30		SG416		I,II
61	SG415	Lịch sử Việt Nam cận đại 1	2	2		30		SP501		I,II
62	SP503	Lịch sử Việt Nam cận đại 2	2	2		30		SG415		I,II
63	XH361	Lịch sử Việt Nam hiện đại 1	2	2		30		SP503		I,II
64	SG417	Lịch sử Việt Nam hiện đại 2	2	2		30		XH361		I,II
65	SP233	Lịch sử Đông Nam Á	2	2		30				I,II
66	SP231	Khảo cổ học	2	2		30				I,II
67	SP232	Dân tộc học đại cương	2	2		30				I,II
68	SG300	Lịch sử địa phương	2	2		15	30			I,II
69	SG409	Lịch sử Nhật Bản từ năm 1868 đến nay	2	2		30				I,II
70	SG396	Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản	2	2		30				I,II
71	SP236	Lịch sử quan hệ quốc tế	2	2		30				I,II
72	SP506	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2	2		30				I,II
73	SP025	Lịch sử khẩn hoang Nam Bộ	2	2		30				I,II
74	SP200	Lịch sử văn minh Việt Nam	2	2		30				I,II
75	SP196	Anh văn chuyên môn lịch sử	2	2		30		XH033		I,II
76	SP235	Lịch sử văn minh Thế giới	2		2	30				I,II
77	SG398	Chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX	2			30				I,II
78	SG302	Lịch sử tư tưởng Phương Tây	2		2	30				I,II
79	SG301	Lịch sử tư tưởng Phương Đông	2			30				I,II
80	SP234	Lý luận và lịch sử tôn giáo	2		2	30				I,II
81	SP595	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	2			30				I,II
82	SG427	Một số cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam	2		2	30				I,II
83	SG397	Chiến tranh và cách mạng trong lịch sử Việt Nam	2			30				I,II
84	SP511	Luận văn tốt nghiệp - Lịch sử	10		10		300	≥ 105 TC		I,II
85	SP510	Tiểu luận tốt nghiệp - Lịch sử	4				120	≥ 105 TC		I,II
86	SG408	Lịch sử chủ quyền Việt Nam ở biển Đông	2			30				I,II
87	SG407	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học lịch sử	2			30				I,II
88	SG304	Phong tục tập quán các dân tộc Việt Nam	2			30				I,II
89	SG432	Lịch sử giáo dục Việt Nam	2			30				I,II
90	SP019	Danh nhân đất Việt	2			30				I,II
Cộng: 62 TC (Bắt buộc: 46 TC; Tự chọn: 16 TC)										
Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 108 TC; Tự chọn: 33 TC)										

3. Kế hoạch dạy học

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
Học kỳ 1									
1	QP010	GD quốc phòng & an ninh 1 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành	
2	QP011	GD quốc phòng & an ninh 2 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành	
3	QP012	GD quốc phòng & an ninh 3 (*)	3	3		20	65	Bố trí theo nhóm ngành	
4	QP013	GD quốc phòng & an ninh 4 (*)	1	1		10	10	Bố trí theo nhóm ngành	
5	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30			
6	SG140	Nhập môn khoa học Lịch sử	2	2		30			
		Cộng	12	12	0				
Học kỳ 2									
7	ML014	Triết học Mác-Lênin	3	3		45			
8	TC100	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1		30		<i>SV chọn</i>
9	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4 (3)	60			<i>SV tự chọn</i>
	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	3			45			
10	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15			
11	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		
12	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	2		20	20	SP009	
13	SG109	Phương pháp luận sử học	2	2		30			
14	SG411	Lịch sử Thế giới cổ trung đại 1	2	2		30			
15	SG416	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 1	2	2		30			
		Cộng	20 (19)	16	4 (3)				
Học kỳ 3									
17	ML016	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2		30		ML014	
18	TC100	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1		30		<i>SV chọn</i>
19	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45		XH023	<i>SV tự chọn</i>
	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004	
20	SP079	Giáo dục học	3	3		45		SP010	
21	SG412	Lịch sử Thế giới cổ trung đại 2	2	2		30		SG411	
22	SP501	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2	2	2		30	30	SG416	
23	SP232	Dân tộc học đại cương	2		2	30	30		
24	SG300	Lịch sử địa phương	2			15	30		
25	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			<i>SV tự chọn</i>
	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			
	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			
	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			
	KN001	Kỹ năng mềm	2			30			
		Cộng	17	9	8				
Học kỳ 4									
26	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML016	
27	TC100	Giáo dục thể chất 3 (*)	1	1	1		30		<i>SV chọn</i>
28	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3(4)	45		XH024	<i>SV tự chọn</i>
	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	4			60		XH005	
29	SG131	Hoạt động GD trong nhà trường PT	2	2		15	30	SP079	
30	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			
31	SP013	Phương pháp NCKH - Giáo dục	1	1		15			
32	SG410	Lịch sử Thế giới cận đại 1	2	2		30		SG412	
33	SG415	Lịch sử Việt Nam cận đại 1	2	2		30		SP501	
34	SP236	Lịch sử quan hệ quốc tế	2	2		30			

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
		Cộng	19	15	3 (4)				
Học kỳ 5									
35	ML019	Lịch sử ĐCSVN	3	3		45		ML021	
36	SP597	Kiến tập sư phạm	2	2			60	SP079	
37	SG105	Phương pháp dạy học Lịch sử	2	2		15	30		
38	SP420	Rèn luyện nghiệp vụ SP.Lịch sử	2	2		15	30		
39	SP497	Lịch sử Thế giới cận đại 2	2	2		30		SG410	
40	SP503	Lịch sử Việt Nam cận đại 2	2	2		30		SG415	
41	SG420	Lý luận dạy học Ngữ văn & Khoa học Xã hội	2	2		30		SP079	
42	SG302	Lịch sử tư tưởng Phương Tây	2	2	2	30			
	SG301	Lịch sử tư tưởng Phương Đông							
	SP234	Lý luận và lịch sử tôn giáo							
		Cộng	17	17	0				
Học kỳ 6									
43	SG114	GD so sánh và GD bền vững	2	2		30		SP079	
44	SG011	QL HCN & QL GD&ĐT	2	2		30			
45	SG429	Phát triển chương trình giáo dục Ngữ văn & Khoa học Xã hội	2	2		15	30	SP597	
46	SG423	Đánh giá kết quả học tập Ngữ Văn & Khoa học Xã hội	2	2		15	30		
47	SG452	Thực tế ngoài trường - Sư phạm Lịch sử	2	2			60		
48	XH361	Lịch sử Việt Nam hiện đại 1	2					SP503	
49	SG413	Lịch sử Thế giới hiện đại 1	2					SP497	
50	SP595	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	2		2	30	30		
	SG427	Một số cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam							
	SG397	Chiến tranh và cách mạng trong lịch sử Việt Nam							
		Cộng	18	16	2				
Học kỳ 7									
51	SG378	Tập giảng môn Lịch sử	2	2			60	SP241	
52	SG417	Lịch sử Việt Nam hiện đại 2	2	1			30	XH361	
53	SG414	Lịch sử Thế giới hiện đại 2	2	2		30		SG413	
54	SG396	Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản	2	2		30			
55	SP196	Anh văn chuyên môn lịch sử	2		2	30		XH033	
56	SP235	Lịch sử văn minh Thế giới	2		2	30	30		
	SG398	Chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX	2						
57	SG409	Lịch sử Nhật Bản từ năm 1868 đến nay	2	2		30			
58	SP506	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2	2		30			
58	SP231	Khảo cổ học	2	2		30			
		Cộng	18	16	2				
Học kỳ 8									
59	SP598	Thực tập Sư phạm	3	3			90	SP597	
60	SP511	Luận văn tốt nghiệp - Lịch sử	10		10		300	≥ 105 TC	SV tự chọn làm LVTN,
	SP510	Tiểu luận tốt nghiệp - Lịch sử	4				120	≥ 105 TC	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
	SG408	Lịch sử chủ quyền Việt Nam ở biển Đông	2			30			TLTN hoặc HP thay thế
	SG407	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học lịch sử	2			30			
	SG304	Phong tục tập quán các dân tộc Việt Nam	2			30			
61	SG432	Lịch sử giáo dục Việt Nam	2			30			
62	SP019	Danh nhân đất Việt	2			30			
		Cộng	13 (7)	3	10 (4)				
		Tổng	141	108	33				

4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	Được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt nam.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng ngắn, những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, Phòng chống địch tiến công bằng VKCNC, rèn luyện bản lĩnh, sức khỏe qua các nội dung quân sự, luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị (Cấp trung đội). Rèn luyện kỹ năng chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, hiệp đồng chiến đấu trong tiến công, phòng ngự.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	Giới thiệu lịch sử, truyền thống quân, binh chủng, tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, tham quan tìm hiểu các lịch sử, các đơn vị trong lực lượng vũ trang	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	3	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tương trưng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng kí học phần TC100 mà	Bộ môn Giáo dục Thể chất

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				thay vào đó sinh viên phải đăng kí vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng kí 03 học phần: Taekwondo 1(TC003), Taekwondo 2(TC004), Taekwondo 3,(TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 1 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hằng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 2 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố các em yêu thích, ẩm thực, du lịch, thời trang, tiền bạc. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 3 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về các thể loại phim ảnh, khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4	Học phần Tiếng Anh tăng cường 1 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 2 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 3 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày, như giới thiệu bản thân, gia đình, nói về thói quen, sở thích, làm quen và giới thiệu một người nào đó, nói và viết về giờ theo cách thông dụng và hành chính v.v... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, sinh viên sẽ được làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bản mẫu tự của tiếng Pháp, biết cách chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại, viết một số câu đơn giản	Khoa Ngoại ngữ
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3	Học phần tiếp tục trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng... của tiếng Pháp. Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, giải thích, nhận lời mời hay từ chối, nói về ngày làm việc của mình, nói về kế hoạch tương lai... Sinh viên được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ phức tạp hơn của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường, định vị trong không gian.v.v.. Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ, tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, giới thiệu các thành viên trong gia đình, kể lại một câu chuyện quá khứ, v.v... Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài khóa từ 100 từ trở lên, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ, viết thư. Sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ, phối hợp các thì ở thời quá khứ ... Sau khi học xong học phần, sinh viên cũng sẽ biết cách giải thích, biện luận đơn giản.	Khoa Ngoại ngữ
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như giới thiệu các thành viên trong gia đình; làm quen với một người; kể lại những hoạt động thường ngày; miêu tả người, nơi ở; so sánh về số lượng hoặc chất lượng... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2	3	Học phần tiếp tục trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng... của tiếng Pháp. Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		(*)		hỏi thông tin, giải thích, nhận lời mời hay từ chối, nói về ngày làm việc của mình, nói về kế hoạch tương lai...Sinh viên được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ phức tạp hơn của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường, định vị trong không gian.v.v.. Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ, tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, giới thiệu các thành viên trong gia đình, kể lại một câu chuyện quá khứ, v.v... Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài khoa từ 100 từ trở lên, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ, viết thư. Sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ, phối hợp các thì ở thời quá khứ ... Sau khi học xong học phần, sinh viên cũng sẽ biết cách giải thích, biện luận đơn giản.	Khoa Ngoại ngữ
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	Khoa Khoa học Tự nhiên
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Khoa học Tự nhiên
20	ML014	Triết học Mác-Lênin	2	Học phần trình bày những nội dung cơ bản sau: - Chủ nghĩa duy vật biện chứng - Phép biện chứng duy vật - Chủ nghĩa duy vật lịch sử	Khoa Khoa học Chính trị
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	3	Học phần Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 giới thiệu cho sinh viên các vấn đề: Điều kiện ra đời đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa; hàng hóa; tiền tệ; quy luật giá trị; Sự chuyển hóa của tiền thành tư bản; quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư; tiền công trong chủ nghĩa tư bản; sự chuyển hóa của giá trị thặng dư thành tư bản – tích lũy tư bản; quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư; các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư; Chủ nghĩa tư bản độc quyền; chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước; chủ nghĩa tư bản ngày nay và những biểu hiện của nó; vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; cách mạng xã hội chủ nghĩa; hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa; giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo; Chủ nghĩa xã hội hiện thực; sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội xô viết và nguyên nhân của nó; triển vọng của chủ nghĩa xã hội.	Khoa Khoa học Chính trị
22	ML018	Chủ nghĩa xã	2	Học phần giới thiệu cho sinh viên các vấn đề: Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền	Khoa Khoa học

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		hội khoa học		văn hóa xã hội chủ nghĩa; giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo; Chủ nghĩa xã hội hiện thực; sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội xô viết và nguyên nhân của nó; triển vọng của chủ nghĩa xã hội.	Chính trị
23	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	Khoa Khoa học Chính trị
24	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	Nội dung học phần trình bày về đường lối của Đảng CSVN từ năm 1930 đến nay. Qua đó, cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đường lối công nghiệp hóa; Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; Đường lối đối ngoại.	Khoa Khoa học Chính trị
25	SP009	Tâm lý học đại cương	2	Học phần Tâm lý học đại cương giới thiệu cho sinh viên các vấn đề: Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học; Bản chất hiện tượng tâm lý con người, chức năng và các loại hiện tượng tâm lý người, các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Những cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức về phương diện cá thể; Các quá trình nhận thức như cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng, trí nhớ, ngôn ngữ của con người và ứng dụng của các quá trình nhận thức vào trong hoạt động thực tiễn; Khái niệm và bản chất của nhân cách, các thuộc tính tâm lý nhân cách và các con đường hình thành nhân cách; Những sai lệch hành vi về mặt tâm lý trong sự phát triển nhân cách, nguyên nhân và biện pháp khắc phục chúng.	Khoa Sư phạm
26	ML007	Logic học đại cương	2	Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện. 7. Cấu trúc.	Khoa Khoa học Chính trị
27	KL001	Pháp luật đại cương	2	Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành Bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...	Khoa Luật

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
28	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	Môn học Văn bản – Lưu trữ học nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
29	XH028	Xã hội học đại cương	2	Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
30	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố, những đặc trưng và quy luật phát triển của văn hóa Việt Nam, các vùng văn hóa Việt Nam; phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt nam; rèn kỹ năng vận dụng kiến thức văn hóa học vào phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học.	Khoa Sư phạm
31	KN001	Kỹ năng mềm	2	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: Kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả, kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng quản lý cảm xúc.	Trung tâm tư vấn, hỗ trợ Khởi nghiệp
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thế mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	Trung tâm tư vấn hỗ trợ Khởi nghiệp
33	XH012	Tiếng Việt thực hành	2	Học phần được thiết kế thành 4 chương. Mỗi chương gồm hai phần chính được biên soạn đan xen vào nhau: giản yếu về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào vấn đề về chữ viết và chính tả. Chương 2 tập trung rèn luyện kỹ năng dùng từ. Tương tự, nội dung chương 3 là rèn luyện kỹ năng về câu. Chương 4, rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
34	SG011	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD&ĐT	2	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và quản lý hành chính nhà nước về giáo dục – đào tạo, giúp người học Nâng cao năng lực và cải tiến công tác quản lý hành chính Nhà nước trong nhà trường và trong hoạt động giáo dục. Môn học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nhà nước, cơ chế tổ chức và nội dung quản lý hành chính nhà nước về giáo dục, từ đó giúp người học ý thức được những chức trách, nhiệm vụ của mình trong quá trình xây dựng nền hành chính tối ưu góp phần nâng cao chất lượng và công bằng giáo dục. Môn học chú trọng đến việc hình thành các kỹ năng nhận thức và vận dụng những kiến thức vào việc bồi dưỡng nhân cách người giáo viên; đồng thời góp phần hình thành các kỹ năng về quản lý học sinh, quản lý trường học... Các kỹ năng chủ yếu được hình thành thông qua các nội dung của môn học có sự lồng ghép của giảng	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				viên.	
35	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	Nội dung học phần tâm lý học sư phạm bao gồm: Những vấn đề cơ bản của tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm; Lý luận về sự phát triển tâm lý lứa tuổi; Đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh trung học cơ sở; Đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh trung học phổ thông; Bản chất của hoạt động dạy và hoạt động học; sự hình thành khái niệm, kỹ năng, kỹ xảo trong dạy học; dạy học và sự phát triển trí tuệ của học sinh; Đạo đức và cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức; các con đường giáo dục đạo đức cho học sinh; đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên, cấu trúc nhân cách của người giáo viên trong nhà trường phổ thông. Những vấn đề cơ bản về giao tiếp sư phạm và nghệ thuật ứng xử sư phạm trong nhà trường phổ thông	Khoa Sư phạm
36	SP079	Giáo dục học	3	Nội dung học phần bao gồm hệ thống kiến thức về chung về giáo dục con người được thể hiện cụ thể qua các nội dung như: Giáo dục học là một khoa học, giáo dục và sự phát triển nhân cách, mục đích, nhiệm vụ, các con đường và nguyên lý giáo dục; hệ thống kiến thức chung về dạy học như: Quá trình dạy học, quy luật và nguyên tắc dạy học, mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học; hệ thống kiến thức chung về giáo dục hạnh kiểm cho học sinh như: Quá trình giáo dục, nguyên tắc giáo dục, nội dung và phương pháp giáo dục.	Khoa Sư phạm
37	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2	Nội dung học phần bao gồm hệ thống kiến thức cơ bản về công tác chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông như: Giáo viên chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông, chức năng của giáo viên chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông, nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông, nội dung và phương pháp công tác chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông; hệ thống kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động giáo dục học sinh lớp chủ nhiệm ở trung học phổ thông như: Mục tiêu tổ chức hoạt động giáo dục, nội dung và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, phương pháp và phương tiện sử dụng trong tổ chức hoạt động giáo dục, quy trình tổ chức hoạt động giáo dục, đánh giá trong tổ chức hoạt động giáo dục.	Khoa Sư phạm
38	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2	Học phần cung cấp người học những khái niệm về Giáo dục so sánh; mục đích, nhiệm vụ và đối tượng của Giáo dục so sánh; nguyên tắc nghiên cứu Giáo dục so sánh; cách tiếp cận nghiên cứu so sánh giáo dục; kỹ thuật so sánh giáo dục; so sánh giáo dục Việt Nam với giáo dục một số nước trên thế giới. Khái niệm, mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, mô hình và chỉ tiêu phát triển bền vững; những mâu thuẫn, thách thức nảy sinh trong quá trình phát triển của thế giới hiện đại; kinh nghiệm quốc tế về xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển bền vững; định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam; khái niệm, mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục bền vững.	Khoa Sư phạm
39	SG394	Giáo dục hòa nhập	2	Nội dung môn học trang bị cho sinh viên tri thức khái quát chung về giáo dục hòa nhập gồm: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, khái niệm, tính tất yếu của giáo dục hòa nhập, các kiến thức giáo dục trẻ khuyết tật, phân loại học sinh khuyết tật...	Khoa Sư phạm
40	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Giáo dục	2	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên một số nội dung cơ bản về NCKH nói chung và NCKH giáo dục nói riêng, như là: - Mục tiêu của một công trình nghiên cứu, - Kiến thức mới và cơ chế phát hiện ra kiến thức mới, - Nghiên cứu mô tả và nghiên cứu giải thích, - Tìm kiếm tài liệu tham khảo và đánh giá độ tin cậy của tài liệu tham khảo - Chuẩn APA (American Psychological Association)	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				trong việc trình bày tài liệu tham khảo (được UNESCO chọn lựa và khuyến dùng) - Kỹ thuật làm lược khảo tài liệu - Xây dựng được đề cương nghiên cứu.	
41	SG420	Lý luận dạy học Ngữ văn và khoa học xã hội	2	Học phần này gồm 3 chương. Trong chương 1, SV sẽ được tìm hiểu các lý thuyết học tập – cơ sở của việc dạy học, đó là thuyết hành vi, thuyết tri nhận, kiến tạo kiến thức, thuyết nhân văn, vận dụng các lý thuyết đó vào thiết kế một số hoạt động dạy học. Trong chương 2, sinh viên sẽ được tìm hiểu các đặc điểm của hoạt động đọc hiểu văn bản và các nguyên tắc dạy đọc hiểu. Chương 3, tập trung vào hai vấn đề: đặc điểm của hoạt động tạo lập văn bản và các nguyên tắc dạy tạo lập văn bản.	Khoa Sư phạm
42	SG429	Phát triển chương trình giáo dục Ngữ văn và khoa học xã hội	2	Trong học phần này, SV sẽ được tìm hiểu về những vấn đề về chương trình, thiết kế chương trình. Cụ thể là trong chương 1, SV sẽ tìm hiểu về chương trình, cách thiết kế chương trình. Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể: nội dung, yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực. Trong chương 2, SV sẽ tìm hiểu về Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể: đặc điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, phương pháp giáo dục và kiểm tra đánh giá năng lực HS. Trong chương 3, SV sẽ tìm hiểu về Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn: đặc điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt về năng lực đọc, viết, nói và nghe, phương pháp giáo dục và kiểm tra đánh giá năng lực HS.	Khoa Sư phạm
43	SG109	Phương pháp luận sử học	2	Học phần Phương pháp luận sử học được chia làm 4 chương, trình bày các nội dung: những kiến thức cơ bản về phương pháp luận và phương pháp luận sử học, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của sử học, sự kiện lịch sử, quá trình lịch sử, qui luật lịch sử, quá trình lịch sử, hệ thống các phương pháp nghiên cứu trong khoa học lịch sử, các cách phân kỳ lịch sử của thế giới và Việt Nam. Bên cạnh đó, các nội dung về tự sự lịch sử, hình thức một luận văn và các mô hình thiết kế công trình sử học được trình bày trong chương cuối.	Khoa Sư phạm
44	SG140	Nhập môn khoa học lịch sử	2	Giúp người học có những hiểu biết ban đầu về sứ mệnh của khoa học Lịch sử trong đời sống xã hội. Sơ lược về lịch sử nền sử học Thế giới và Việt Nam, trên cơ sở đó có xác lập định hướng học tập, tìm được niềm vui và sẵn sàng đón nhận cả nổi vất vả khi theo đuổi ngành nghề..	Khoa Sư phạm
45	SG241	Ứng dụng CNTT trong dạy học lịch sử	2	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng sử dụng một số phần mềm thông dụng trong dạy học Lịch sử. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng để thiết kế một số giáo án điện tử môn Lịch sử phục vụ trực tiếp cho quá trình dạy học ở nhà trường trung học phổ thông. Đồng thời, học phần này cũng giúp sinh viên nắm vững nguyên tắc biên soạn và sử dụng giáo án Powerpoint, nắm vững tính khoa học và tính sư phạm trong việc biên soạn giáo án Powerpoint trong dạy học Lịch Sử ở trường phổ thông. Ngoài ra còn giúp sinh viên có được các kỹ năng cần thiết để thiết kế nội dung các bài báo cáo trên MS PowerPoint khoa học và hiệu quả hơn.	Khoa Sư phạm
46	SG300	Lịch sử địa phương	2	Nội dung tổng quan về phương pháp nghiên cứu và biên soạn Lịch sử địa phương trong đó các phương pháp như điền dã, sưu tầm tư liệu, tổ chức thực tế thực địa sẽ được cung cấp, hướng dẫn cho sinh viên. Sinh viên sẽ tiếp cận với phương pháp biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương ở trường THPT, xây dựng phòng truyền thống, hướng dẫn giảng dạy tại thực địa cho học sinh Trung học phổ thông.	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
47	SG301	Lịch sử tư tưởng phương đông	2	Môn học Lịch sử tư tưởng phương Đông trình bày khái quát về các quốc gia cổ đại phương Đông và sự hình thành, phát triển, nội dung chính của các trào lưu tư tưởng ở Ấn Độ, Trung Quốc và bán đảo Ả Rập. Bên cạnh đó, môn học này còn cung cấp những kiến thức về sự ảnh hưởng của các trào lưu tư tưởng ấy vào đời sống xã hội của Việt Nam trong quá trình phát triển lịch sử.	Khoa Sư phạm
48	SG302	Lịch sử tư tưởng phương tây	2	Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: kiến thức về lịch sử phát triển hệ thống tư tưởng phương Tây qua các thời kỳ: khởi thủy, cổ đại, trung đại và cận hiện đại. Phân tích các hệ tư tưởng chính của mỗi thời kỳ. Vai trò của hệ thống tư tưởng phương tây - là một trong những nền tảng xã hội có tính quyết định đến sự phát triển của nhân loại.	Khoa Sư phạm
49	SG304	Phong tục tập quán của các dân tộc Việt Nam	2	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phong tục, tập quán của các dân tộc ở Việt Nam Những phong tục tập quán trong cuộc sống hàng ngày Những phong tục tập quán trong các lễ hội của các dân tộc	Khoa Sư phạm
50	SG378	Tập giảng Lịch sử	2	Học phần “Tập giảng Lịch sử” giúp sinh viên hoàn thiện kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ, rèn luyện khả năng thực hành giảng dạy trên lớp, kỹ năng soạn giáo án trong chương trình sách giáo khoa Lịch sử lớp 10, 11, 12. Trong quá trình học SV sẽ có thời gian tự thực hành theo nhóm nhỏ và quan sát các bạn thực hành giảng dạy. Điều này giúp các em rèn luyện được kỹ năng nhận xét, góp ý, nhìn thấy được những thiếu sót, hạn chế của các bạn qua đó rút kinh nghiệm thay đổi bản thân được tốt hơn. Bên cạnh đó, SV còn nhận được sự góp ý, chia sẻ về chuyên môn và nghiệp vụ từ phía Giảng viên, giúp các em định hướng được tác phong sư phạm, phương pháp giảng dạy, khả năng ứng dụng CNTT hay phương pháp dùng bảng đen để các em kịp thời sửa những sai sót, hạn chế, tật khi đứng lớp.	Khoa Sư phạm
51	SG496	Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản	2	Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản: tiền đề (kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng); mục tiêu; nhiệm vụ; giai cấp lãnh đạo; động lực; loại hình; tính chất; đặc điểm; kết quả và ý nghĩa. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản hiện đại.	Khoa Sư phạm
52	SG397	Chiến tranh và cách mạng trong lịch sử Việt Nam	2	Học phần có những nội dung chính: chiến tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc thời Ngô – Tiền Lê – Lý – Trần - Hồ, khởi nghĩa Lam Sơn, kháng chiến chống quân Thanh và quân Xiêm xâm lược thế kỷ XVIII, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược thời nhà Nguyễn. Trong giai đoạn 1945 đến 1988 học phần chú trọng nội dung cách mạng tháng 8/1945, kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mỹ, chiến tranh ở biên giới phía Bắc và Tây Nam, xung đột ở biên đông. Qua những cuộc chiến tranh và cách mạng trong lịch sử dân tộc, rút ra một số bài học có tính chất then chốt trong truyền thống đánh giặc giữ nước của người Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử.	Khoa Sư phạm
53	SG398	Chiến tranh và hòa bình trong thế kỉ XX	2	Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: <i>Thứ nhất:</i> khái quát về các cuộc chiến tranh trong thế kỉ XX, bao gồm: chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918); chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945); chiến tranh lạnh (1947-1989); Các cuộc nội chiến, xung đột quân sự khu vực; cuộc tấn công khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2001 và cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ. Phân tích nguyên nhân cơ bản và đánh giá những hậu quả, tác động của các cuộc chiến tranh đối với thế giới nói chung và Việt	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				Nam nói riêng. <i>Thứ hai:</i> khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới giữa các cuộc chiến tranh thế giới và hiện nay.	
54	SG407	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Lịch sử	2	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Lịch sử có nội dung chính là phát triển ở học sinh năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp; đồng thời góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung quy định trong Chương trình tổng thể. Bên cạnh đó, hoạt động trải nghiệm sẽ giúp học sinh khám phá bản thân và thế giới xung quanh, ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc để góp phần giữ gìn, phát triển các giá trị tốt đẹp của con người Việt Nam trong một thế giới hội nhập từ đó ứng dụng vào trong việc giảng dạy ở trường trung học phổ thông.	Khoa Sư phạm
55	SG408	Lịch sử chủ quyền Việt Nam ở Biển Đông	2	Môn học tập trung vào những nội dung sau: -Tầm quan trọng của Biển Đông, Biển Đông có ảnh hưởng đến Việt Nam như thế nào về an ninh, quốc phòng, kinh tế, tài nguyên biển. Việc xác lập chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa trong quá trình lịch sử. Hành động xâm chiếm Hoàng Sa- Trường Sa của Việt Nam mà Trung Quốc đã thực hiện. -Thực trạng tranh chấp Biển Đông nói chung và Hoàng Sa, Trường Sa nói riêng. -Chủ trương giải quyết tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình của Việt Nam.	Khoa Sư phạm
56	SG409	Lịch sử Nhật Bản từ 1868 đến nay	2	Lịch sử Nhật Bản từ 1868 đến nay gồm 4 chương. Chương 1. Nhật Bản: đất nước và con người trình bày những vấn đề cơ bản về con người, lịch sử và điều kiện tự nhiên-xã hội của lịch sử Nhật Bản. Chương 2. Lịch sử Nhật Bản từ 1868 đến năm 1945 trình bày những vấn đề cơ bản của Minh Trị duy tân và quá trình Nhật Bản trở thành quốc gia “phủ quốc cường binh”. Chương 3. Lịch sử Nhật Bản giai đoạn (1945-1973). Chương 4. Nhật Bản từ 1973 đến nay	Khoa Sư phạm
57	SG410	Lịch sử thế giới cận đại 1	2	Nội dung học phần bao gồm: Sự thắng lợi của chủ nghĩa tư bản đối với chế độ phong kiến, thắng lợi này được thể hiện trên các mặt: chính trị (cách mạng tư sản), kinh tế (cách mạng công nghiệp) và văn hóa tư tưởng; Sự ra đời và phát triển của phong trào công nhân trên phạm vi toàn thế giới; Phong trào đấu tranh chống phong kiến và chống xâm lược của nhân dân các nước châu Á, châu Phi và châu Mỹ Latinh.	Khoa Sư phạm
58	SG411	Lịch sử thế giới cổ trung đại 1	2	Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Sự hình thành xã hội loài người, đời sống của loài người trong thời nguyên thủy, Sự phát triển của xã hội loài người thông qua quá trình hình thành của các nhà nước cổ đại thế giới, Tình hình chính trị, kinh tế và văn hóa xã hội của các nhà nước cổ đại phương Đông và phương Tây.	Khoa Sư phạm
59	SG412	Lịch sử thế giới cổ trung đại 2	2	Nội dung cơ bản của học phần sẽ trình bày quá trình hình thành của các quốc gia phong kiến Tây Âu trong giai đoạn trung đại (sự hình thành , phát triển và suy yếu của các quốc gia Tây Âu, quá trình ra đời của chủ nghĩa tư bản) phần phương đông sẽ trình bày quá trình hình thành của nhà nước phong kiến Trung Quốc. Thông qua quá trình phát triển của lịch sử thế giới trung đại sẽ giúp sinh viên có một cái nhìn tổng thể hơn về tiến trình lịch sử của nhân loại và sự đóng góp quý báu của giai đoạn lịch sử thời trung đại.	Khoa Sư phạm
60	SG413	Lịch sử thế giới hiện đại 1	2	Nội dung cơ bản của học phần bao gồm những vấn đề sau: -Cách mạng XHCN tháng Mười Nga năm 1917 và công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô từ năm 1921- 1941. -Các nước tư bản chủ yếu từ năm 1918- 1945. -Phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ Latinh giai đoạn 1918-1945.	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				-Quan hệ quốc tế từ năm 1919- 1939. -Chiến tranh thế giới thứ hai và hậu quả của nó.	
61	SG414	Lịch sử thế giới hiện đại 2	2	c phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về: quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai. các nước tư bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai- nay. các nước Á- Phi- Mỹ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai- nay. - Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai- 1991, Liên Bang Nga từ 1991- nay. - Cách mạng khoa học- công nghệ và xu thế toàn cầu hóa.	Khoa Sư phạm
62	SG415	Lịch sử Việt Nam cận đại 1	2	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản của lịch sử dân tộc từ 1858 đến 1918. Phong trào kháng chiến chống xâm lược, xu hướng duy tân cải cách, những cuộc vận động cứu nước đầu thế kỷ XX. Phân tích, đánh giá những hạn chế của các lập trường cứu nước hiện thực ở Việt Nam, cụ thể là quan điểm cứu nước theo lập trường phong kiến và lập trường dân chủ tư sản. Qua đó củng cố lòng tự hào dân tộc, tin tưởng vào con đường cách mạng vô sản và đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong những giai đoạn tiếp theo.	Khoa Sư phạm
63	SG416	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 1		Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Xã hội Việt Nam thời nguyên thủy, các nền văn hóa khảo cổ học như văn hóa Sơn Vi, văn hóa Hòa Bình, văn hóa Đông Sơn, văn hóa Champa, văn hóa Óc Eo... Sự hình thành nhà nước cổ đại trên đất nước Việt Nam như nhà nước Văn Lang – Âu Lạc, nhà nước Champa, nhà nước Phù Nam, Việt Nam thời Bắc thuộc và các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong giai đoạn này. Từ năm 938, với chiến thắng Bạch Đằng, nhà nước quân chủ độc lập tự chủ của Việt Nam dần ổn định và phát triển với các vương triều Đinh – Lý – Trần – Hồ. Trong giai đoạn từ thế kỷ X đến XIV, văn minh Đại Việt phát triển rực rỡ, cùng với đó là các chiến thắng chống ngoại xâm với ý nghĩa lịch sử vĩ đại như kháng chiến chống Tống thời Lý, 3 lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên thời Trần, khởi nghĩa Lam Sơn đánh dấu sự ra đời của nhà Hậu Lê.	Khoa Sư phạm
64	SG417	Lịch sử Việt Nam hiện đại 2	2	Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trải qua các giai đoạn Mỹ thực hiện hàng loạt các chiến lược chiến tranh như chiến tranh đặc biệt (1961 – 1965), chiến tranh cục bộ (1965 – 1968), Việt Nam hóa chiến tranh, Hiệp định Paris (1973), quan hệ ngoại giao trong kháng chiến chống Mỹ. Những nội dung lịch sử sau năm 1975 như chiến tranh biên giới Tây Nam, chiến tranh biên giới phía Bắc, sự khủng hoảng của mô hình kinh tế bao cấp, tiến trình đổi mới, phát triển kinh tế xã hội từ năm 1986 đến 2010, quan hệ ngoại giao Việt Nam phục vụ cho công cuộc cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.	Khoa Sư phạm
65	SG427	Một số cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam	2	Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Khái niệm về cải cách, một số cải cách điển hình ở châu Á. Học phần có trọng tâm là tìm hiểu, nghiên cứu về cải cách của Hồ Quý Ly, cải cách của Lê Thánh Tông, cải cách của vua Minh Mạng. Thông qua nghiên cứu những cải cách lớn này, người học rút ra những đặc điểm cũng như những nguyên nhân thành công, thất bại và bài học kinh nghiệm cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.	Khoa Sư phạm
66	SG432	Lịch sử giáo dục Việt Nam	2	Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Giáo dục Việt Nam trải qua các thời kỳ quan trọng là thời Bắc thuộc, thời kỳ phong kiến độc lập từ thế kỉ thứ X đến thế kỉ XV, thời kỳ nội chiến từ thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XIX, thời kỳ nhà Nguyễn độc lập (1802 – 1858), thời kỳ Pháp thuộc (1858 – 1945) và thời hiện đại từ năm 1945 đến nay. Những vấn đề giáo dục khoa cử Nho học thời phong kiến với hệ thống trường học, tài liệu học tập, cách tổ chức và quy	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				chế thi cử, hệ thống học vị và những biện pháp đề cao người đỗ đạt. Nền giáo dục mà người Pháp tiến hành ở Việt Nam, những đóng góp và hạn chế. Giáo dục Việt Nam từ năm 1945 đến nay với nhiều đặc thù gắn với quá trình đấu tranh chống ngoại xâm, thống nhất và xây dựng đất nước.	
67	SG452	Thực tế ngoài trường – Sp Lịch sử	2	Học phần với nội dung chủ yếu là trang bị kiến thức thực tiễn thông qua việc tìm hiểu các di tích lịch sử, di sản văn hóa kiến trúc, tôn giáo, đặc điểm địa lý, kinh tế, xã hội... của các địa phương, vùng, miền ngoài đồng bằng sông Cửu Long để ứng dụng tìm hiểu nội dung khoa học lịch sử. Bên cạnh đó, môn học còn tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện các kỹ năng như làm việc nhóm, tập thể; tổ chức lớp học, kỹ năng thu thập thông tin, phân tích và đánh giá, ứng dụng thông tin lý thuyết vào thực tiễn cuộc sống.	Khoa Sư phạm
68	SP595	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	2	Lịch sử tư tưởng Việt Nam từ khi dựng nước đến thế kỷ XX, theo đó Việt Nam tiếp thu có chọn lọc các giá trị tư tưởng ngoại sinh kết hợp với yếu tố nội dung để hình thành nên những giá trị tư tưởng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử thăng trầm của đất nước. Học phần cũng đi sâu tìm hiểu một số nhân vật lịch sử đại diện cho tư tưởng Việt Nam trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, văn hóa, qua các giai đoạn lịch sử như Lý Thường Kiệt, Trần Nhân Tông, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Minh Mạng, Phan Châu Trinh, Hồ Chí Minh...	Khoa Sư phạm
69	SP019	Danh nhân đất Việt	2	Giới thiệu các danh nhân theo tiến trình lịch sử từ dựng nước đến thế kỷ XX, trên mọi lĩnh vực: chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, giáo dục, tư tưởng... Mỗi danh nhân đều được đề cập trên những nét chính về tiểu sử, sự nghiệp, đặc biệt chú ý đến những nét tính cách riêng.	Khoa Sư phạm
70	XH361	Lịch sử Việt Nam hiện đại 1	2	Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Tình hình nước ta sau cách mạng tháng Tám, những chính sách ngoại giao của Đảng Lao động Việt Nam để vượt qua những khó khăn, thử thách; Các chiến dịch quân sự lớn như chiến dịch Việt Bắc 1947, chiến dịch biên giới 1950, chiến dịch Hòa Bình 1951, chiến cuộc đông xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ, các vấn đề đấu tranh trên mặt trận ngoại giao đi đến ký kết hiệp định Geneve, các vấn đề xung đột chính trị ở Nam Bộ sau năm 1945, một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954.	Khoa Sư phạm
71	SP511	Luận văn tốt nghiệp – Sp Lịch sử	10	Học phần được thực hiện dưới hình thức một công trình nghiên cứu khoa học. Sinh viên sẽ huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã được học trong bốn năm để thực hiện. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên xây dựng đề tài nghiên cứu, tiến hành công tác nghiên cứu tìm kiếm tư liệu, xử lý tư liệu, cấu trúc thành một công trình lịch sử. Sinh viên được rèn luyện những kỹ năng nghiên cứu khoa học lịch sử, tạo điều kiện để cho các em có thể tiến hành nghiên cứu tốt sau khi tốt nghiệp cũng như học tập ở bậc cao hơn.	Khoa Sư phạm
72	SP510	Tiểu luận tốt nghiệp – SP Lịch sử	4	Học phần được thực hiện dưới hình thức một công trình nghiên cứu khoa học. Sinh viên sẽ huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã được học trong bốn năm để thực hiện. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên xây dựng đề tài nghiên cứu, tiến hành công tác nghiên cứu tìm kiếm tư liệu, xử lý tư liệu, cấu trúc thành một công trình lịch sử. Sinh viên được rèn luyện những kỹ năng nghiên cứu khoa học lịch sử, tạo điều kiện để cho các em có thể tiến hành nghiên cứu tốt sau khi tốt nghiệp cũng như học tập ở bậc cao hơn.	Khoa Sư phạm
73	SP506	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2	Lịch sử ngoại giao Việt Nam từ khi dựng nước đến đầu thế kỷ XXI. Trong đó chú trọng quan hệ giữa nhà nước phong kiến Việt Nam với nhà nước phong kiến Trung Quốc, quan hệ giữa Việt Nam với các quốc gia Đông Nam Á, ngoại giao thời hiện đại với Liên Xô,	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				Trung Quốc, Mỹ, liên minh châu âu (EU), Hàn Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản... Học phần cũng đi sâu tìm hiểu một số nhân vật lịch sử đại diện cho ngoại giao Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử như Khúc Thừa Dụ, Lê Hoàn, Lý Thường Kiệt, Trần Nhân Tông, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Minh Mạng, Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, Phạm Văn Đồng, Hồ Chí Minh...	
74	SP503	Lịch sử Việt nam cận đại 2	2	Bao gồm những vấn đề cơ bản của lịch sử Việt Nam giai đoạn 1919-1945: Thông qua việc phân tích tình hình kinh tế xã hội Việt Nam sau Chiến tranh Thế Giới Thứ Nhất, để thấy được bước phát triển mới của phong trào dân tộc và quá trình vận động Cách Mạng, dẫn tới sự hình thành của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Nghiên cứu phong trào Cách Mạng giai đoạn 1930-1945 để thấy được sự thành công của Cách Mạng Tháng Tám 1945 là thành quả của 15 năm vận động cách mạng không ngừng của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng.	Khoa Sư phạm
75	SP501	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2	2	Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XV đến 1858 gồm những nội dung như sự hình thành và phát triển của nhà Lê Sơ, Nam Triều Bắc Triều, Trịnh – Nguyễn phân tranh, khởi nghĩa nông dân Đàng ngoài, quá trình khai phá Nam Bộ thế kỷ XVI – XVIII, khởi nghĩa Tây Sơn, quan hệ ngoại giao Việt Nam – Trung Quốc, sự du nhập của Thiên Chúa Giáo vào Việt Nam.... Trên cơ sở cái nhìn tổng quan về lịch sử, giúp sinh viên có những hiểu biết về quy luật lịch sử nước nhà và khả năng vận dụng những hiểu biết đó trong giảng dạy ở trường phổ thông.	Khoa Sư phạm
76	SP499	Lịch sử thế giới hiện đại 2	2	Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về: -Quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai. -Các nước tư bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai- nay. -Các nước Á- Phi- Mỹ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai- nay. - Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai- 1991, Liên Bang Nga từ 1991- nay. - Cách mạng khoa học- công nghệ và xu thế toàn cầu hóa.	Khoa Sư phạm
77	SP025	Lịch sử khẩn hoang Nam Bộ	2	Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Khái quát về quá trình hình thành Đàng Trong, sơ lược về Nam Bộ trước năm 1698, quá trình khẩn hoang Nam Bộ thời các chúa Nguyễn, quá trình khẩn hoang Nam Bộ thời phong kiến độc lập nửa đầu thế kỉ XIX, khẩn hoang Nam Bộ dưới thời Pháp đô hộ, một số vấn đề về kinh tế, văn hóa, xã hội Nam Bộ trong quá trình khẩn hoang.	Khoa Sư phạm
78	SP105	Phương pháp dạy học lịch sử	2	Học phần Phương pháp dạy học lịch sử sẽ cung cấp cho SV cơ sở lí luận về phương pháp dạy học, kiến thức cơ bản về các phương pháp dạy học lịch sử truyền thống đã từng đem lại hiệu quả cao ở các thế hệ trước. Ngoài ra SV sẽ được tiếp cận với những phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực nhằm phát huy khả năng tích cực, chủ động, sáng tạo ở HS, hình thành những phẩm chất về chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức của người giáo viên tương lai. Trong mỗi phương pháp ngoài hệ thống kiến thức cơ bản, SV còn được tìm hiểu những ví dụ cụ thể cho từng phương pháp dạy học truyền thống hay tích cực. Từ đó giúp SV nhận thức được rằng không có bất kì phương pháp nào là vạn năng thay thế cho tất cả các phương pháp khác mà chúng ta cần phải phối hợp các phương pháp với nhau tùy vào mục tiêu, nội dung, đối tượng người học mà GV lựa chọn phương pháp phù hợp nhất, tối ưu nhất nhằm đạt hiệu quả cao trong giảng dạy.	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
79	SP196	Anh văn chuyên môn Lịch sử	2	Thông qua các bài đọc chuyên ngành, người học sẽ được tiếp cận một lượng thuật ngữ ở cả lĩnh vực Lịch sử Thế giới và Lịch sử Việt Nam, các thuật ngữ này có liên quan cụ thể đến chương trình dạy – học Lịch sử ở trường phổ thông. Người học cũng sẽ được học ý nghĩa và cách sử dụng các thuật ngữ này một cách chính xác. Thêm vào đó, học phần còn cung cấp nhiều bài tập kỹ năng giúp người học củng cố và phát triển các kỹ năng ngoại ngữ (đọc hiểu, nghe, nói, viết) để hỗ trợ cho việc tự học và nghiên cứu khoa học	Khoa Sư phạm
80	SP200	Lịch sử văn minh Việt Nam	2	Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Một số vấn đề lý luận về lịch sử văn minh Việt Nam, một số khái niệm cơ bản Các cuộc giao lưu và tiếp xúc văn hoá trong lịch sử Việt Nam. Các giai đoạn phát triển chủ yếu của văn hoá Việt Nam qua các thời kỳ tiền sử và sơ sử, văn hoá Việt Nam thiên niên kỷ đầu công nguyên, văn hoá Việt Nam thời độc lập tự chủ từ thế kỷ X đến thế kỷ XV, văn hoá Việt Nam từ thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XIX, văn hoá Việt Nam thời hiện đại từ năm 1858 đến năm 1945, văn hoá Việt Nam từ năm 1945 đến nay, một số vấn đề về bản sắc văn hóa Việt Nam.	Khoa Sư phạm
81	SP497	Lịch sử thế giới cận đại 2	2	Học phần Lịch sử thế giới cận đại 2 được chia làm 4 chương, trình bày các nội dung: các nước tư bản phát triển Âu, Mỹ (cuối thế kỷ XIX-đầu thế kỷ XX), phong trào công nhân thế giới, các vấn đề về cách mạng dân chủ tư sản Nga (1905-1907), các nước khu vực Á, Phi, Mỹ Latinh giai đoạn cận đại và quan hệ quốc tế trước khi chiến tranh thế giới thứ nhất diễn ra.	Khoa Nông nghiệp
82	SP420	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm Lịch sử	2	Đây là học phần vận dụng lý luận dạy học Lịch Sử. Rèn luyện kỹ năng diễn đạt: nói và viết, kỹ năng trình bày bảng, kỹ năng sử dụng đồ dùng dạy học, kỹ năng xây dựng và sử dụng các loại hồ sơ tư liệu trong dạy học Lịch sử và kỹ năng tổ chức công tác công ích-xã hội trong dạy học lịch sử, giúp sinh viên rèn luyện kiến thức và kỹ năng sư phạm, chuẩn bị tốt cho thực tập sư phạm và thực dạy ở trường phổ thông.	Khoa Sư phạm
83	SP236	Lịch sử quan hệ quốc tế	2	Học phần giới thiệu khái quát những nội dung cơ bản các giai đoạn lịch sử quan hệ quốc tế từ 1870- nay, nhất là từ sau năm 1975 - giai đoạn gắn liền với những đặc điểm và xu hướng phát triển của thời đại, tác động mạnh mẽ đến Việt Nam.	Khoa Sư phạm
84	SP234	Lý luận và lịch sử tôn giáo	2	Học phần Lý luận và lịch sử tôn giáo được chia làm 3 chương. Chương 1. Lý luận chung về tôn giáo, tín ngưỡng trình bày những nội dung chính vấn đề lý luận về tôn giáo, tín ngưỡng, chức năng, vai trò, nhiệm vụ của tôn giáo và các xu thế tôn giáo ngày nay. Chương 2. Các tín ngưỡng Việt Nam trình bày tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và Quốc tổ Hùng Vương, thờ Mẫu, thờ Thành hoàng và thờ các anh hùng dân tộc. Chương 3. Tôn giáo Việt Nam trình bày những nội dung cơ bản về Nho giáo, Đạo giáo, Kitô giáo, Hồi giáo, Phật giáo, đạo Cao Đài và đạo Hòa Hảo.	Khoa Sư phạm
85	SP233	Lịch sử Đông Nam Á	2	- Học phần trình bày quá trình phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ sơ khai cho đến nay. - Sự xâm lược thống trị của các cường quốc phương Tây vào Đông Nam Á và các cuộc đấu tranh của các dân tộc Đông Nam Á đòi độc lập dân tộc.	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				- Sự hợp tác của các nước Đông Nam Á sau ngày độc lập trong khuôn khổ các nước ASEAN. - Những cơ hội và thách thức của các quốc gia Đông Nam Á trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.	
86	SP232	Dân tộc học đại cương	2	Nội dung cơ bản của học phần bao gồm 5 chương: - Chương 1: trình bày các vấn đề lý thuyết về môn học, quá trình hình thành, phát triển của ngành dân tộc học. - Chương 2: trình bày các tộc người trong Lịch sử. - Chương 3: trình bày về các chủng tộc và mối quan hệ với dân tộc, quá trình hình thành các loại hình nhân chủng ở Đông Nam Á và Việt Nam. - Chương 4: trình bày những quá trình tộc người trên thế giới và Việt Nam. - Chương 5: trình bày về đời sống vật chất và tinh thần của các dân tộc ở Việt Nam.	Khoa Sư phạm
87	SP231	Khảo cổ học		Nội dung cơ bản của học phần: - Lý thuyết về khảo cổ và những thành tựu khảo học trong nước, ngoài nước. - Những vấn đề khảo cổ học Việt Nam. - Khảo cổ học và sử học - Bảo tồn và phát huy giá trị khảo cổ học.	Khoa Sư phạm
88	SG423	Đánh giá kết quả học tập Ngữ văn và khoa học xã hội	2	Học phần Đánh giá kết quả học tập Địa lí cung cấp cơ sở lý luận về kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học sinh trong quá trình dạy học ở bậc Trung học Phổ thông. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để xây dựng câu hỏi hoặc thiết kế đề kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của học sinh theo nội dung chương trình Trung học Phổ thông; biết cách xây dựng tiêu chí để đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh; có thể tự lập kế hoạch chuẩn bị, tổ chức và quản lý việc đánh giá môn học của mình khi dạy học; biết cách phân tích và đánh giá câu hỏi và đề kiểm tra; giáo dục các đức tính cần thiết của người giáo viên trong đánh giá như công tâm, nghiêm minh, bình đẳng, không thiên vị.	Khoa Sư phạm
89	SP597	Kiến tập sư phạm	2	Kiến tập sư phạm là giai đoạn sinh viên tiếp cận với môi trường giáo dục ở trường phổ thông, mà cụ thể là quan sát, tìm hiểu các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục học sinh cũng như các hoạt động xã hội của nhà trường. Sinh viên được nghe các báo cáo tình hình, cơ cấu tổ chức và hoạt động ở trường phổ thông; kinh nghiệm công tác giảng dạy và chủ nhiệm của một số giáo viên tiêu biểu. Ngoài ra, sinh viên còn được dự giờ giáo viên hướng dẫn chuyên môn và chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, phong trào thi đua lớp, tổ chức sinh hoạt đoàn, đội,... Từ đó, bước đầu hình thành tình cảm và ý thức nghề nghiệp cho sinh viên, tích lũy kinh nghiệm chuẩn bị cho giai đoạn thực tập sư phạm. Thời điểm kiến tập sư phạm thường là học kỳ I năm thứ ba. Hình thức kiến tập sư	Khoa Sư phạm

				phạm là tập trung trong 3 tuần tuần liên tục.	
90	SP598	Thực tập Sư phạm	3	Thực tập sư phạm là giai đoạn sinh viên thực hành những kiến thức về các môn khoa học chuyên ngành, kiến thức về khoa học giáo dục đã được học ở trường đại học. Học phần thực tập sư phạm là giai đoạn sinh viên được rèn luyện, thử thách về nhiều mặt: khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức vào thực tế, năng lực sáng tạo, năng lực tổ chức, quản lý học sinh. Học phần này giúp sinh viên có cơ hội để tham gia vào các hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông, qua đó tiếp tục tăng cường tình cảm và ý thức nghề nghiệp. Thời điểm Thực tập sư phạm là học kỳ 8 năm thứ tư, bắt đầu vào đầu HK II và kéo dài 8 tuần liên tục. Hình thức sinh viên đi Thực tập sư phạm là tập trung. Sinh viên được xem là thành viên của trường phổ thông, sẽ chịu sự quản lý, phân công của trường thực tập.	Khoa Sư phạm

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

5. Phương pháp giảng dạy và học tập

- Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của môn học, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào nội dung từng học phần, mà giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau. Đối với hình thức tổ chức dạy học thì có các hình thức như: dạy trực tiếp trên lớp học hay ngoài cộng đồng (tại những cơ sở sản xuất, kinh doanh, nông trại,...) hoặc dạy học trực tuyến. Đối với phương pháp dạy và học thì giảng viên thường sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy và học đa dạng: phương pháp quan sát, phương pháp trải nghiệm thực tế, phương pháp dự án, phương pháp nghiên cứu tình huống, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phương pháp tra cứu, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp diễn giảng, đàm thoại gợi mở, minh họa thực hành, trò chơi, tự học độc lập, ...

6. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp đánh giá lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo mong muốn người học đạt được. Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt quá trình đào tạo) và đánh giá định kỳ chia làm hai lần: đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, bài viết, nhật ký học tập, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, khóa luận tốt nghiệp,...
- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

Cần Thơ, ngày 30 tháng 12 năm 2019

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Văn Nở

Phạm Đức Thuận